TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 6- 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Thìn
2. Bà Trần Thị Dần.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Vũ Thị Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Dương Thị Hiên - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số , giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện T, Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Hồng P, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện T, Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt chị N, vắng mặt anh P (Anh P vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/02/2023 nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và Lê Hồng P kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 10/7/2015 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được một thời gian thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2022 cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị N và anh P có 01 con chung là cháu Lê Văn H, sinh ngày 11/12/2015. Sau khi ly hôn, chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và yêu không cầu anh P cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản: Chị N không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa chị N có thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần con chung cụ thể là: Đến nay chị xét thấy, nguyện vọng của con muốn được ở với bố và hiện cháu đang ở ổn định với bố và ông bà nội. Do đó sau khi ly hôn chị đề nghị giao con chung là cháu Lê Văn H cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh P với số tiền cấp dưỡng là 1.000.000 đồng mỗi tháng cho tới khi cháu H đủ 18 tuổi.

Tại đơn đề nghị ngày 09/3/2023 và tại phiên tòa, bị đơn là anh Lê Hồng P trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị N kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 10/7/2015 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau ngày cưới tình cảm vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc và sau đó có sinh được 01 con là cháu Lê Văn H. Trong quá trình sống anh và chị N không có gì vướng mắc và không có việc anh chửi bới, đánh đập chị N. Chị N bỏ đi từ tháng 01 năm 2022 mà anh và gia đình không biết.

Về con chung: Anh P và chị N có 01 con chung là cháu Lê Văn H, sinh ngày 11/12/2015. Anh P đề nghị Tòa án kiểm tra xác minh nguyện vọng của cháu Lê Văn H.

Về tài sản chung: Anh P không có ý kiến gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83; 116; 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Lê Hồng P. Giao cháu Lê Văn H, sinh ngày 11/12/2015 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh P mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 06/2023 cho đến khi cháu Lê Văn H đủ 18 tuổi. Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Lê Hồng P. Anh P cư trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh P vắng mặt không có lí do, nên tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh P và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh P theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh P đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh P đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Anh Lê Hồng P cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt anh P.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Hồng P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 10/7/2015 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị N và anh P đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2022 đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Lê Hồng P.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là cháu Lê Văn H, sinh ngày 11/12/2015. Khi ly hôn, chị N đề nghị giao cháu H cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh P mỗi tháng 1.000.000 đồng cho tới khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh P đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu H. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của cháu H muốn được ở với bố, từ khi vợ, chồng ly thân cháu H ở với bố được bố trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho con. Do đó chấp nhận yêu cầu của chị N giao cháu Lê Văn H cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị N yêu cầu sẽ cấp dưỡng

nuôi con chung cùng anh P mỗi tháng 1.000.000 đồng cho tới khi cháu H đủ 18 tuổi, anh P không trình bày ý kiến về nội dung này. Đây là sự tự nguyện của chị N và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4]. Về tài sản: Chị N và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và án phí về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 BLTTDS; Điều 6; Khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Lê Hồng P.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Văn H, sinh ngày 11/12/2015 cho anh Lê Hồng P trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Lê Hồng P mỗi tháng 1.000.000 đ (Một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 06/2023 cho tới khi cháu H đủ 18 tuổi.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Chị Nguyễn Thị N có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về việc cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) chị N đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự Thạch Thành, theo biên lai số: AA/2021/0007964 ngày 24/02/2023. Chị N phải tiếp tục nộp số tiền án phí là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Nguyễn Thị N, vắng mặt anh Lê Hồng P. Chị N có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh

P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thạch Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Nguyễn Mạnh Thìn **Trần Thị Dần** **Bùi Văn Hải**